

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố điểm trúng tuyển đợt 1 vào hệ Dự bị đại học Dân tộc của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020 - 2021

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 240/CP ngày 06 tháng 12 năm 1976 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 14/VBHN-BGDĐT ngày 06 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất hai văn bản: Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 41/2013/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh, tổ chức bồi dưỡng, xét chọn và phân bổ vào học trình độ đại học; cao đẳng sư phạm; trung cấp sư phạm đối với học sinh hệ dự bị đại học;

Căn cứ Quyết định số 520/QĐ-DBĐH ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 341/TB-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chỉ tiêu tuyển mới dự bị đại học, phổ thông dân tộc nội trú năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Quyết định số 2055/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt kế hoạch tuyển sinh dự bị đại học năm học 2020 – 2021;

Căn cứ Biên bản họp xét duyệt điểm trúng tuyển hệ Dự bị đại học Dân tộc năm học 2020 – 2021 của Hội đồng tuyển sinh Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điểm trúng tuyển hệ Dự bị đại học Dân tộc của Trường Dự bị đại học Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020 – 2021 của tất cả các khối như sau:

1. Nếu thí sinh xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia 2020: tổng điểm của ba bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển đạt từ 12,0 điểm trở lên (không tính điểm ưu tiên và không có bài thi/môn thi $\leq 1,0$ điểm).

2. Nếu thí sinh xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp trung học phổ thông: có kết quả học tập xếp loại từ trung bình trở lên và hạnh kiểm xếp loại từ khá trở lên trong 03 năm học THPT; điểm xét tuyển là điểm trung bình chung của ba môn theo tổ hợp xét tuyển của năm học lớp 12 từ 6,0 trở lên.

Điều 2. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh năm học 2020 – 2021 có nhiệm vụ công bố danh sách trúng tuyển đợt 1 hệ Dự bị đại học Dân tộc năm học 2020 – 2021 trên website của Trường và thực hiện các công việc tiếp theo, căn cứ các quy định tuyển sinh hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính – Chính trị, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị chức năng và Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh năm học 2020 – 2021 của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Lê Hữu Thức
Hiệu trưởng**

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO HỆ DỰ BỊ DÂN TỘC ĐỢT 1**NĂM HỌC 2020 - 2021***(Kèm theo Quyết định số 867/QĐ-DBĐH-ĐT, ngày 01/10/2020 của Hội đồng tuyển sinh**Trường Dự bị đại học TP. HCM)*

STT	Họ và Tên		Nữ	Ngày Sinh	Dân Tộc	Tỉnh	Khối
1	Thạch Bé	Ba		06/07/2002	Khmer	Trà Vinh	A
2	Thạch Đăng	Bách		07/07/2002	Chăm	Ninh Thuận	A
3	Khê Nữ Ngọc	Bích	x	13/11/2002	Chăm	Bình Thuận	A
4	Kim	Bình		10/03/2000	Khmer	Trà Vinh	A
5	Mai Ta In Ninh	Bình	x	04/10/2002	Rắc Lây	Ninh Thuận	A
6	Lý Thanh	Bình		13/02/2002	Nùng	Lâm Đồng	A
7	Chiu Cẩm	Chính		12/08/2002	Dao	Đắk Lắk	A
8	Son Thị Hồng	Đào	x	11/11/2002	Khmer	Sóc Trăng	A
9	Trần Tấn	Đạt		10/11/2002	Khmer	Trà Vinh	A
10	Triệu Sinh	Điểm		01/07/2002	Dao	Lâm Đồng	A
11	La Lê	Đức		16/02/2001	Hoa	Đồng Nai	A
12	Lăng Ngọc	Dũng		29/05/2001	Nùng	Bình Phước	A
13	Bùi Tiên	Dũng		21/08/2002	Mường	An Giang	A
14	Nguyễn Thùy	Dương	x	26/01/2002	Mường	Đắk Nông	A
15	Nguyễn Thị Thu	Hà	x	28/06/2002	Khmer	Sóc Trăng	A
16	Vy Ngọc Bích	Hải	x	05/12/2002	Tày	Bình Thuận	A
17	Kim Thị Ngọc	Hân	x	17/09/2002	Khmer	Trà Vinh	A
18	Trịnh Thị Nông	Hậu	x	08/05/2002	Tày	Gia Lai	A
19	Quăng Nữ Ai	Hậu	x	30/12/2002	Chăm	Ninh Thuận	A
20	Thạch Trung	Hiếu		23/09/2002	Khmer	Trà Vinh	A
21	Quảng Thiên Đức	Hiếu		21/04/2002	Chăm	Ninh Thuận	A
22	Lục Thị	Hồi	x	14/03/2002	Nùng	Đắk Nông	A
23	Hoàng Quốc	Huy		01/02/2002	Nùng	Đắk Lắk	A
24	Ra Lan	Jimmy		04/08/2002	Ê đê	Đắk Lắk	A
25	Son Duy	Khang		01/02/2002	Khmer	Sóc Trăng	A
26	Kim Thị Yên	Khoa	x	04/07/2002	Khmer	Trà Vinh	A
27	Thành Thị Giang	Kiểm	x	08/05/2002	Chăm	Ninh Thuận	A
28	Trần Anh	Kiệt		30/11/2002	Khmer	Sóc Trăng	A
29	Thị Trúc	Linh	x	15/03/2002	Khmer	Kiên Giang	A
30	Kim Thị Thuỳ	Linh	x	12/11/2002	Khmer	Trà Vinh	A
31	Trượng Anh	Mẫn		27/02/2002	Chăm	Ninh Thuận	A
32	Từ Châu Nữ Tuyết	Minh	x	26/03/2002	Chăm	Ninh Thuận	A
33	Kim Thị	Muội	x	25/09/2002	Khmer	Trà Vinh	A
34	Nông Đình	Nghi		28/06/2002	Tày	Bình Thuận	A
35	Đồng Diệp Thùy	Ngọc	x	20/08/2002	Chăm	Bình Thuận	A
36	Kim Xuân	Nhân		25/03/2002	Khmer	Trà Vinh	A
37	Pang Tiang	Nhật		19/05/2002	Koho	Lâm Đồng	A
38	Kim Thị	Nhi	x	10/01/2002	Khmer	Trà Vinh	A
39	Nguyễn Bá Tinh	Nhuệ		25/11/2002	Chăm	Bình Thuận	A
40	Thạch Thị Sóc Sô	Phía	x	19/09/2002	Khmer	Trà Vinh	A

STT	Họ và Tên		Nữ	Ngày Sinh	Dân Tộc	Tỉnh	Khối
41	Trần	Phú		10/10/2002	Khmer	Trà Vinh	A
42	Thị Xà	Quý	x	03/02/2002	Khmer	Kiên Giang	A
43	Danh Thị Hồng	Quỳnh	x	13/06/2002	Khmer	Bạc Liêu	A
44	Thạch Bô	Rây		02/11/2001	Khmer	Trà Vinh	A
45	Nông La Quốc	Sâm		21/11/2002	Nùng	Đắk Nông	A
46	Nguyễn Trọng	Tân		19/05/2002	Thái	Lâm Đồng	A
47	Kim	Thành		04/07/2002	Khmer	Trà Vinh	A
48	Lang Thị Minh	Thư	x	20/12/2002	Thái	Đắk Lắk	A
49	Bích Thái	Thuận	x	23/10/2002	Chăm	Bình Thuận	A
50	Đặng Thạch	Thuyền	x	10/07/2002	Thái	Lâm Đồng	A
51	Kim Phương	Toàn		04/05/2002	Khmer	Trà Vinh	A
52	Trần Hoàng	Trân		21/10/2002	Khmer	Sóc Trăng	A
53	Lý Ngọc	Trân	x	31/10/2002	Khmer	Bạc Liêu	A
54	Danh Thị Tú	Trang	x	15/08/2002	Khmer	Kiên Giang	A
55	Thái Thế	Triều		24/09/2002	Khmer	Sóc Trăng	A
56	Đa Minh	Trịnh		09/04/2002	Chăm	Bình Thuận	A
57	Tô Thị Thanh	Trúc	x	03/12/2002	Tày	Bình Phước	A
58	Đạo Thanh	Tuyên		04/11/2001	Chăm	Ninh Thuận	A
59	Danh Thị Thu	Vân	x	29/12/2002	Khmer	Kiên Giang	A
60	Đạo Bạch Long	Vũ		27/04/2002	Chăm	Ninh Thuận	A
61	Ngư Thị Mỹ	Xuân	x	01/05/2002	Chăm	Ninh Thuận	A
62	Thạch Thị Hoàng	Duy	x	20/09/2002	Khmer	Trà Vinh	A1
63	Thạch Khánh	Duy		25/04/2002	Khmer	Kiên Giang	A1
64	Trương Thị Ngọc	Hà	x	18/09/2002	Chăm	Ninh Thuận	A1
65	Thạch Thị Đa	Huy	x	15/03/2002	Khmer	Trà Vinh	A1
66	Trương Thị Huỳnh	Mai	x	09/11/2002	Khmer	Trà Vinh	A1
67	Đinh	Nguyên		06/06/2001	Ba Na	Gia Lai	A1
68	Bê Thị Kim	Oanh	x	28/02/2002	Tày	Đắk Lắk	A1
69	Phạm Thị Anh	Thư	x	13/03/2002	Khmer	Kiên Giang	A1
70	Thái Mạnh	An		02/05/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
71	Sơn Hoa Trường	An	x	30/03/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
72	Huỳnh Thái	Anh		06/08/2002	Khmer	Kiên Giang	B
73	Trần Quốc	Anh		07/09/2002	Khmer	Kiên Giang	B
74	Hà Qua Kiều	Anh	x	08/08/2002	Chăm	Bình Thuận	B
75	Nguyễn Nhật Vân	Anh	x	18/01/2002	Khmer	Kiên Giang	B
76	Thô Nữ Kim	Ánh	x	02/10/2002	Chăm	Bình Thuận	B
77	Chung Thị Ngọc	Ánh	x	07/12/2002	Khmer	Trà Vinh	B
78	K' Yo Jun	Arăn		05/06/2002	Kơho	Lâm Đồng	B
79	Kim Hoàng	Bên		13/04/2002	Khmer	Trà Vinh	B
80	Lý Kim Minh	Châu	x	14/07/2002	Khmer	Trà Vinh	B
81	Kiều Nữ Kim	Chi	x	12/02/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
82	Lâm Minh	Cường		03/02/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
83	Kim Thị Ly	Đa	x	10/04/2002	Khmer	Trà Vinh	B
84	A	Đam		26/07/2002	Chăm	An Giang	B
85	Kim Thị Diệu	Đang	x	06/04/2002	Khmer	Trà Vinh	B
86	Phú Hải	Đặng		05/11/2001	Chăm	Ninh Thuận	B
87	Quách Hữu	Đạt		19/02/2001	Khmer	Trà Vinh	B
88	Trần Minh	Điện		11/06/2002	Khmer	Sóc Trăng	B

STT	Họ và Tên		Nữ	Ngày Sinh	Dân Tộc	Tỉnh	Khối
89	Dương Thị Thúy	Diệp	x	21/06/2002	Khmer	Trà Vinh	B
90	Danh Duy	Đức		25/02/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
91	Thạch Thị Ngọc	Dung	x	09/10/2002	Khmer	Trà Vinh	B
92	Nông Hà	Dương		07/05/2002	Tày	Đắk Nông	B
93	Mai Hoàng	Duy		16/05/2002	Khmer	Kiên Giang	B
94	Lâm Thúy	Duy	x	15/10/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
95	Đồng Nguyệt	Giang	x	25/06/2002	Chăm	Bình Thuận	B
96	Dong Gur Ha Đa	Gus		13/02/2002	Cil	Lâm Đồng	B
97	Rơ Ô	H' Lan	x	16/03/2002	Jrai	Gia Lai	B
98	Rô	H'Niên	x	31/07/2002	Jrai	Gia Lai	B
99	Phú Thành	Hải		12/02/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
100	Hoàng Thanh	Hải		24/11/2002	Tày	Bình Phước	B
101	Thạch Thị Hoàng	Hân	x	17/01/2002	Khmer	Trà Vinh	B
102	Đồng Thị Hoàn	Hào	x	03/08/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
103	Quảng Thị Như	Hào	x	12/05/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
104	Thông Thị	Hào	x	15/04/2002	Chăm	Bình Thuận	B
105	Thạch Chí	Hạo		25/09/2002	Khmer	Trà Vinh	B
106	K Thị	Hậu	x	25/05/2002	Koho	Bình Thuận	B
107	Mang Thị Thai	Hi	x	15/07/2002	Chăm	Bình Thuận	B
108	Sử Minh	Hiên		07/04/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
109	Kim Trung	Hiếu		04/03/2002	Khmer	Trà Vinh	B
110	Bon Krông K	Hiệu		06/12/2001	Mạ	Lâm Đồng	B
111	Danh Thị Kim	Hoàng	x	18/01/2002	Khmer	Kiên Giang	B
112	Thạch Thị Mỹ	Hồng	x	20/12/2002	Khmer	Trà Vinh	B
113	Trương Thanh	Hợp		17/11/2002	Nùng	Đắk Lắk	B
114	Thạch Hoàng	Huy		22/06/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
115	Lộ Nữ Hàn	Huyền	x	02/03/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
116	Lâm Thị Mỹ	Huỳnh	x	21/08/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
117	Lữ Thị Ngọc	Huỳnh	x	15/10/2002	Khmer	Trà Vinh	B
118	Nguyễn Hoàng	Khang		11/01/2002	Hoa	Sóc Trăng	B
119	Kim Sỹ	Khang		23/02/2002	Khmer	Trà Vinh	B
120	Danh Trọng	Khiêm		21/01/2002	Khmer	Kiên Giang	B
121	Lưu Thị Ánh	Kim	x	14/11/2002	Khmer	Trà Vinh	B
122	Thị Thảo	Lan	x	10/05/2002	Khmer	Kiên Giang	B
123	Thạch Thị Thanh	Liên	x	06/03/2002	Khmer	Trà Vinh	B
124	Nông Thị Bích	Liên	x	29/09/2002	Tày	Bình Thuận	B
125	Rơ Mah	Liên	x	20/07/2002	Jrai	Gia Lai	B
126	Mông Thị	Liễu	x	05/04/2002	Nùng	Bình Phước	B
127	Lâm Thị Trúc	Linh	x	06/06/2002	Khmer	Kiên Giang	B
128	Son Thị Phương	Loan	x	27/09/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
129	Thạch Thị Phương	Loan	x	10/06/2002	Khmer	Trà Vinh	B
130	Son Thị Thương	Lý	x	19/01/2002	Khmer	Vĩnh Long	B
131	Thị Kim	Lý	x	13/11/2002	Khmer	Kiên Giang	B
132	Huỳnh Thị Ngọc	Mai	x	05/12/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
133	Bá Thị Hương	Mây	x	01/02/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
134	Lâm Hoàng	Minh		04/06/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
135	Hoàng Nhất	Minh		03/01/2001	Khmer	An Giang	B
136	Kim Thị Phú	Minh	x	09/05/2002	Khmer	Trà Vinh	B

STT	Họ và Tên		Nữ	Ngày Sinh	Dân Tộc	Tỉnh	Khối
137	Thạch Kiều	My	x	21/07/2002	Khmer	Bạc Liêu	B
138	Hoàng Nhật	Mỹ	x	03/05/2002	Nùng	Bình Thuận	B
139	Đào Nữ Vi	Na	x	26/02/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
140	Y	Nam		24/03/2002	Mnông	Đắk Nông	B
141	Bá Từ Quỳnh	Nga	x	25/06/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
142	Cao Thị Thanh	Ngân	x	06/01/2002	Khmer	Trà Vinh	B
143	Quảng Nữ Kim	Ngân	x	17/02/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
144	Thạch Thị Kim	Ngọc	x	21/12/2002	Khmer	Trà Vinh	B
145	Huỳnh Đài Bảo	Ngọc	x	28/03/2002	Chơ Ro	Bà Rịa-VT	B
146	Lâm Thị Ánh	Ngọc	x	10/10/2002	Khmer	Trà Vinh	B
147	Đường Đa Nữ	Nguyên	x	26/08/2002	Chăm	Bình Thuận	B
148	Trương Thị Ánh	Nguyệt	x	03/10/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
149	Đàng Hoàng	Nhật		04/01/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
150	Danh Thị Ngọc	Nhi	x	21/11/2002	Khmer	Kiên Giang	B
151	Đinh Ngô Bảo	Nhi	x	14/12/2002	Hrê	Lâm Đồng	B
152	Hoàng Thị Uyên	Nhi	x	27/07/2002	Tày	Đắk Nông	B
153	Thạch Thị Bích	Như	x	21/03/2002	Khmer	Trà Vinh	B
154	Danh Thị Kim	Nhung	x	02/02/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
155	Thạch Thị Tha	Ni	x	19/03/2002	Khmer	Vĩnh Long	B
156	Lâm Thị Kiều	Oanh	x	12/02/2002	Khmer	Trà Vinh	B
157	Thị	Pha	x	09/05/2002	Mnông	Đắk Nông	B
158	Néang Sóc	Phép	x	13/07/2002	Khmer	An Giang	B
159	Thạch Sô	Phol		03/05/2002	Khmer	Trà Vinh	B
160	Kim Phong	Phú		29/07/2002	Khmer	Trà Vinh	B
161	Lâm Mỹ	Phụng	x	28/09/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
162	Thạch Thành	Phước		25/08/2002	Khmer	Trà Vinh	B
163	Tăng Thị Hồng	Phuong	x	19/12/2002	Khmer	Trà Vinh	B
164	Đàm Ngọc Thiên	Phượng	x	29/07/2002	Tày	Lâm Đồng	B
165	Tài Phương	Quang		24/10/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
166	Neáng Kim	Quê	x	01/01/2002	Khmer	An Giang	B
167	Son Ngọc	Quý		19/05/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
168	Son Thị Ngọc	Quone	x	01/10/2002	Khmer	Trà Vinh	B
169	Tăng Khả	Quy	x	19/05/2002	Khmer	Bạc Liêu	B
170	Ngân Xuân	Quyết		09/05/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
171	Sa Fi	Ra	x	15/08/2002	Chăm	An Giang	B
172	Ka	Sẽ	x	17/02/2002	Châu Mạ	Lâm Đồng	B
173	Cao Quảng Thị	Sương	x	20/06/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
174	Ngư Thị Sung	Sướng	x	12/08/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
175	Danh Thanh	Tài		02/09/2002	Khmer	Kiên Giang	B
176	Dương Ngọc	Tài		22/12/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
177	Kiên Thanh	Tâm		04/10/2002	Khmer	Trà Vinh	B
178	Danh Nhật	Tân		14/04/2002	Khmer	Kiên Giang	B
179	Chau Rích	Tha		20/06/2002	Khmer	An Giang	B
180	Trần Văn	Thái		17/02/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
181	Son Thị Thu	Thắm	x	19/01/2002	Khmer	Trà Vinh	B
182	Thạch Hoàng	Thanh		06/10/2002	Khmer	Trà Vinh	B
183	Trần Thị Ngọc	Thanh	x	07/02/2002	Khmer	Trà Vinh	B
184	Lâm Thị Ngọc	Thanh	x	13/07/2002	Khmer	Sóc Trăng	B

STT	Họ và Tên		Nữ	Ngày Sinh	Dân Tộc	Tỉnh	Khối
185	Sơn Thị Bích	Thảo	x	11/03/2002	Khmer	Vĩnh Long	B
186	Thạch Thị Ngọc	Thảo	x	14/08/2002	Khmer	Trà Vinh	B
187	Sơn Thị Ngọc	Thảo	x	14/06/2002	Khmer	Trà Vinh	B
188	Lưu Thị Thanh	Thảo	x	12/10/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
189	Phùng Anh	Thị	x	25/12/2002	Khmer	Trà Vinh	B
190	Neáng Sóc	Thia	x	03/02/2002	Khmer	An Giang	B
191	Lý Thị Thanh	Thiên	x	01/08/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
192	Dương Hữu	Thiện		07/05/2002	Khmer	Trà Vinh	B
193	Mát	Thieu	x	07/04/2002	Cil	Lâm Đồng	B
194	Lý Phước	Thịnh		18/11/2002	Hoa	Sóc Trăng	B
195	Đàm Thị	Thơ	x	05/03/2002	Tày	Cao Bằng	B
196	Kim Thị Ngọc	Thoa	x	13/09/2002	Khmer	Trà Vinh	B
197	Diệp Thanh	Thoại		29/10/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
198	Quảng Thị Lệ	Thu	x	03/05/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
199	Kim Thị Minh	Thư	x	22/01/2002	Khmer	Trà Vinh	B
200	Thạch Thị Minh	Thư	x	09/04/2002	Khmer	Trà Vinh	B
201	Trần Lý Anh	Thư	x	17/10/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
202	Hán Ngọc Anh	Thuyết	x	20/11/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
203	Kiên Thủy	Tiên	x	17/02/2002	Khmer	Trà Vinh	B
204	Nguyễn Nữ Thủy	Tiên	x	02/11/2002	Chăm	Bình Thuận	B
205	Neáng Kim	Tiên	x	12/08/2002	Khmer	An Giang	B
206	Kim Ngọc	Tín		28/09/2002	Khmer	Trà Vinh	B
207	Danh Hiền	Tín		29/11/2001	Khmer	Kiên Giang	B
208	Lưu Đức	Tín		14/11/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
209	Lý Trung	Tính		19/06/2002	Khmer	Trà Vinh	B
210	Nguyễn Ngọc	Tơ	x	02/09/2002	Khmer	Bạc Liêu	B
211	Đổng Thị Ngọc	Tra	x	30/04/2002	Khmer	Ninh Thuận	B
212	Thái Ngọc	Trâm	x	13/04/2002	Khmer	Trà Vinh	B
213	Thạch Hứa Mỹ	Trâm	x	04/05/2002	Khmer	Trà Vinh	B
214	Thạch Thị Bích	Trâm	x	01/01/2002	Khmer	Trà Vinh	B
215	Kim Thị Ngọc	Trần	x	03/10/2002	Khmer	Trà Vinh	B
216	Châu Huỳnh	Trang	x	28/10/2002	Hoa	Kiên Giang	B
217	Thạch Thị Ngọc	Trinh	x	27/06/2002	Khmer	Trà Vinh	B
218	Lý Thị Mỹ	Trinh	x	19/09/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
219	Kon Sa Tuyết	Trinh	x	16/07/2002	Cil	Lâm Đồng	B
220	Thạch Thị Ngọc	Trinh	x	17/11/2002	Khmer	Trà Vinh	B
221	Đào Thị Thanh	Trúc	x	04/06/2002	Chơ Ro	Bà Rịa-VT	B
222	Lưu Toàn	Trung		12/07/2002	Khmer	Sóc Trăng	B
223	Đinh Thị	Vân	x	01/07/2002	Ba Na	Gia Lai	B
224	Danh Dương Thu	Vân	x	05/11/2002	Khmer	Kiên Giang	B
225	Đặng Nữ Huệ	Văn	x	02/03/2002	Chăm	Bình Thuận	B
226	Kim Thúy	Vì	x	04/07/2002	Khmer	Trà Vinh	B
227	Danh Trí	Việt		27/10/2000	Khmer	Kiên Giang	B
228	Thạch	Vinh		17/09/2002	Khmer	Trà Vinh	B
229	Trần Khã	Vy	x	05/07/2002	Khmer	Trà Vinh	B
230	Sử Ngọc Tường	Vy	x	15/03/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
231	Cil K'	Winh	x	23/06/2002	Cil	Lâm Đồng	B
232	Kim Thanh	Xuân		17/01/2002	Khmer	Trà Vinh	B

STT	Họ và Tên		Nữ	Ngày Sinh	Dân Tộc	Tỉnh	Khối
233	Hán Thị Kim	Xuân	x	18/11/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
234	Thạch Thị Mỹ	Xuyên	x	17/11/2002	Khmer	Trà Vinh	B
235	Danh Bùi Như	Ý	x	09/04/2002	Khmer	Kiên Giang	B
236	Hán Thị Như	Ý	x	19/12/2002	Chăm	Ninh Thuận	B
237	Trương Hoàng	Yến	x	12/08/2002	Chăm	Bình Thuận	B
238	Kim Hoàng	Ân		27/04/2002	Khmer	Trà Vinh	C
239	Văn Thị Kim	Anh	x	19/09/2002	Chăm	Bình Thuận	C
240	Phùng Thị	Bạch	x	10/07/2002	Tày	Lâm Đồng	C
241	Đặng Thị Bé	Bo	x	29/07/2002	Chăm	Bình Thuận	C
242	Thị	Cam	x	15/02/2002	Mnông	Bình Phước	C
243	Kim Ly	Chang	x	14/02/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
244	Thông Quốc	Công		25/07/2002	Chăm	Bình Thuận	C
245	Thô Gia	Công		02/04/2002	Chăm	Bình Thuận	C
246	Thạch Ngọc	Đông		01/05/2002	Khmer	Trà Vinh	C
247	Bơ Nah Ria Huy	Dũng		23/07/2002	Chu Ru	Lâm Đồng	C
248	H Mun	Êban	x	27/11/2001	Ê đê	Đắk Lắk	C
249	Báo Thị Hương	Giang	x	23/01/2002	Chăm	Ninh Thuận	C
250	Rah Lan	H' Rem	x	20/04/2002	Jrai	Gia Lai	C
251	Rcom	H' Thu	x	13/02/2001	Jrai	Gia Lai	C
252	Ksor	H' Tuyê	x	26/12/2001	Jrai	Đắk Lắk	C
253	Thạch	Hà		20/05/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
254	Điều Thị Mỹ	Hạnh	x	08/02/2002	Stiêng	Bình Phước	C
255	Nay	Hasave	x	01/01/2002	Ê đê	Đắk Lắk	C
256	Thạch Thị	Hậu	x	01/09/2001	Khmer	Trà Vinh	C
257	Lâm Thảo	Hiên	x	15/04/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
258	Đông Huỳnh Hữu	Hiệp		19/09/2001	Chăm	Bình Thuận	C
259	Đinh Thị Kim	Hoàng	x	20/08/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
260	Thạch Thị Kiều	Hương	x	17/08/2001	Khmer	Sóc Trăng	C
261	Lượng Lâm Mỹ	Huyền	x	26/08/2002	Chăm	Bình Thuận	C
262	Danh Dĩ	Khang		14/04/2001	Khmer	Kiên Giang	C
263	Nguy Ngọc An	Khang		03/12/2002	Chăm	Ninh Thuận	C
264	Vạn Sử Nhị	Khang		01/06/2002	Chăm	Ninh Thuận	C
265	Lâm Chí	Khánh		22/05/2002	Khmer	Kiên Giang	C
266	Thạch Sây	La		18/03/2002	Khmer	Trà Vinh	C
267	Thạch Kinh	Luân		01/04/2002	Khmer	Trà Vinh	C
268	Thạch Thị Cha	Ly	x	25/12/2002	Khmer	Trà Vinh	C
269	Diệp Thị Ngọc	Ngân	x	14/01/2002	Khmer	Trà Vinh	C
270	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	x	02/01/2002	Chăm	Bình Thuận	C
271	Đông Thị Mỹ	Nghệ	x	20/11/2002	Chăm	Ninh Thuận	C
272	Nguyễn Thị Lệ	Như	x	12/12/2002	Tày	Lâm Đồng	C
273	Lâm Thị Su van	Ni	x	19/03/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
274	Y Hốp	Niê		12/07/2002	Ê đê	Đắk Lắk	C
275	H' Bé	Niê	x	31/07/2002	Ê đê	Đắk Lắk	C
276	Y	Ny	x	04/04/2002	Ba Na	Gia Lai	C
277	Đàm Văn	Ốn		01/01/2002	Tày	Đắk Nông	C
278	Sơn Sô	Phy		30/12/2002	Khmer	An Giang	C
279	Điều Thị	Sinh	x	21/09/2002	Mnông	Bình Phước	C
280	Chu Tiên	Tài		07/03/2002	Tày	Bình Thuận	C

STT	Họ và Tên		Nữ	Ngày Sinh	Dân Tộc	Tỉnh	Khối
281	Danh Tân	Thanh		15/10/2001	Khmer	Sóc Trăng	C
282	Thị Ngã	Thêu	x	28/12/2002	Mnông	Bình Phước	C
283	Dương Trúc	Thi	x	04/05/2002	Khmer	Kiên Giang	C
284	Kim Thị Minh	Thư	x	26/02/2002	Khmer	Trà Vinh	C
285	Dương Thị Anh	Thư	x	28/12/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
286	Trần Minh	Thuận		02/09/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
287	Thạch Thanh	Thúy	x	25/09/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
288	Thông Đức	Tín		15/07/2001	Chăm	Bình Thuận	C
289	K	Tín		24/04/2002	Koho	Lâm Đồng	C
290	Dương Minh	Toàn		06/06/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
291	Châu Nữ Phương	Trang	x	20/02/2002	Chăm	Ninh Thuận	C
292	Lưu Thị Huyền	Trang	x	01/01/2002	Chăm	Ninh Thuận	C
293	Lâm	Trí		03/03/2002	Khmer	Bình Dương	C
294	Trần Thị Thanh	Trúc	x	19/09/2002	Rai	Bình Thuận	C
295	Thạch Thị Chal	Tú	x	04/01/2002	Khmer	Sóc Trăng	C
296	Thông Minh	Tuấn		24/03/2002	Chăm	Bình Thuận	C
297	Võ Hồng	Vân	x	28/02/2002	Chơ Ro	Bình Thuận	C
298	Hà Thị Kim	Anh	x	13/01/2002	Tày	Đắk Lắk	D1
299	Quách Đức	Bá		04/02/2002	Mường	Đắk Lắk	D1
300	Vy Thê	Bảo		09/11/2002	Nùng	Lâm Đồng	D1
301	Hồ Thị Kim	Chi	x	28/08/2002	Bru-Vân	Quảng Trị	D1
302	Trương Huỳnh	Đạt		25/02/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
303	Trương Quốc	Đạt		03/10/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
304	Thạch Hoàng	Diễm	x	17/12/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
305	Huỳnh Nữ Hồng	Diệp	x	12/03/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
306	H	Doanh	x	14/06/2002	Mnông	Đắk Nông	D1
307	Kim	Đức		26/12/2002	Khmer	Trà Vinh	D1
308	Từ Nữ Thuý	Dương	x	27/09/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
309	Thị Am My	Giá	x	10/10/2002	Chăm	Tây Ninh	D1
310	Phú Nữ Hương	Giang	x	15/09/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
311	Điều Thị Như	Hà	x	25/07/2002	Chơ Ro	Đồng Nai	D1
312	Chuong Chấn	Hà	x	23/10/2002	Hoa	Bình Thuận	D1
313	Tsần Mỹ	Hằng	x	02/03/2002	Hoa	Bình Thuận	D1
314	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	x	10/03/2002	Tày	Đắk Lắk	D1
315	Trương Sinh	Hiên	x	04/01/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
316	Thanh Lâm Nữ	Hiên	x	23/09/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
317	Thông Thị Mỹ	Hiệp	x	22/02/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
318	Đặng Lưu Tuyết	Hoa	x	08/08/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
319	Nguyễn Thị	Hoà	x	08/02/2002	Tày	Đắk Lắk	D1
320	Ka Xuân	Hoài	x	14/04/2002	Koho	Lâm Đồng	D1
321	Sơn Thị Thanh	Hồng	x	05/09/2002	Khmer	Trà Vinh	D1
322	Thô Nữ Ngọc	Huyền	x	03/07/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
323	Lơ Mu	K`Tuyê	x	14/01/2002	Cil	Lâm Đồng	D1
324	Đồng Thị Mỹ	Khỏe	x	10/10/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
325	Tiền Thị	Khởi	x	15/09/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
326	Sơn Nguyễn Thị	Khuyên	x	28/02/2002	Khmer	Bạc Liêu	D1
327	Hứa Trung	Kiên		06/12/2002	Nùng	Lâm Đồng	D1
328	Thạch Thị Phương	Linh	x	06/12/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1

STT	Họ và Tên		Nữ	Ngày Sinh	Dân Tộc	Tỉnh	Khối
329	Ước Nữ Thuỳ	Linh	x	26/08/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
330	Đặng Nữ Xuân	Linh	x	21/11/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
331	Triệu Thị	Loan	x	17/02/2002	Nùng	Bình Phước	D1
332	Thạch Thị Cẩm	Ly	x	11/01/2002	Khmer	Trà Vinh	D1
333	Thị Chúc	Lý	x	29/10/2002	Khmer	Kiên Giang	D1
334	Khê Nữ Nhâm	Mã	x	22/03/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
335	Lê Nữ Tuyết	Mai	x	10/01/2001	Chăm	Bình Thuận	D1
336	Thạch Thị Huỳnh	Mai	x	18/01/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
337	Ma Thị Ngọc	Mai	x	15/10/2002	Tày	Đắk Lắk	D1
338	Thạch Thị Thu	Mai	x	20/12/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
339	Lâm Thị Sa	Murone	x	02/02/2002	Khmer	Trà Vinh	D1
340	Nghiêm Thị	Ngân	x	16/12/2002	Ngái	Lâm Đồng	D1
341	Lý Tú	Nguyên	x	21/12/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
342	Đạo Thị Kim	Nguyễn	x	09/05/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
343	Kon So K'	Nguyễn	x	28/06/2002	Cil	Lâm Đồng	D1
344	Đặng Thụy Thanh	Nhân	x	15/08/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
345	Huỳnh Trọng	Nhân		31/10/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
346	Kiều Thị	Nhệ	x	16/06/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
347	Lý Thị Thảo	Nhi	x	07/12/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
348	Trần Thị Hoàng	Nhi	x	06/02/2002	Tày	Lâm Đồng	D1
349	Mang Diệu	Nhi	x	27/01/2002	Rắc Lây	Bình Thuận	D1
350	Mai Quỳnh	Như	x	05/01/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
351	Khê Nữ Thảo	Như	x	27/07/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
352	Nông Bé Thị	Nhung	x	14/05/2002	Tày	Đắk Lắk	D1
353	H' Nhung	Niê	x	12/10/2002	Ê đê	Đắk Lắk	D1
354	K'Ma	Ny	x	18/12/2002	Cil	Lâm Đồng	D1
355	Văn Nữ Tuyết	Phân	x	29/06/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
356	Hán Kiều Duy	Phôn		14/01/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
357	Nguyễn Thị	Phước	x	05/02/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
358	Lò Thùy Xuân	Phương	x	27/07/2002	Thái	Lâm Đồng	D1
359	Thông Thị	Quán	x	26/12/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
360	Rơ Yuông Nai	Quyên	x	02/01/2002	Koho	Lâm Đồng	D1
361	Nai	Quyên	x	06/09/2002	Koho	Lâm Đồng	D1
362	Lệ Nữ Diễm	Quỳnh	x	26/12/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
363	Kim Thị Thao Va	Ri	x	03/05/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
364	Son	Rottana	x	23/08/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
365	Dong Gur Đu	Sin	x	07/02/2002	Cil	Lâm Đồng	D1
366	Thành Thị Hồng	Tép	x	05/10/2001	Chăm	Ninh Thuận	D1
367	Kiều Thị Nhã	Thâm	x	09/02/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
368	La Trúc	Thanh	x	03/11/2002	Tày	Lâm Đồng	D1
369	Bá Thị Kim	Thảo	x	14/03/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
370	Nguyễn Phương	Thảo	x	23/08/2002	Hoa	Sóc Trăng	D1
371	Lê Ngọc Anh	Thi	x	25/10/2002	Thổ	An Giang	D1
372	Thạch Thị Oanh	Thi	x	14/03/2002	Khmer	Trà Vinh	D1
373	Khê Thị Ngọc	Thích	x	09/04/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
374	Bon Yo Nai	Thiên	x	12/01/2002	Koho	Lâm Đồng	D1
375	Phạm Huệ	Thông	x	11/06/2002	Khmer	Trà Vinh	D1
376	K'	Thuần		23/03/2002	Koho	Lâm Đồng	D1

STT	Họ và Tên		Nữ	Ngày Sinh	Dân Tộc	Tỉnh	Khối
377	Lưu Nữ Hồng	Thuyền	x	14/08/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
378	Lữ Thị Mỹ	Tiên	x	25/05/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
379	K' Văn	Tiên		15/07/2001	Koho	Bình Thuận	D1
380	Y Tỵ Pang	Ting		19/10/2002	Mnông	Đắk Lắk	D1
381	Quảng Thị Thanh	Tra	x	23/12/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
382	Nahria Huyền	Trân	x	17/12/2002	Koho	Lâm Đồng	D1
383	Lý Thuỳ	Trang	x	22/08/2002	Nùng	Lâm Đồng	D1
384	Đàng Thị Huyền	Trang	x	18/03/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1
385	Lý Thị Hà	Trang	x	02/11/2002	Khmer	Sóc Trăng	D1
386	Hoàng Thị Ngọc	Trinh	x	24/09/2002	Tày	Lâm Đồng	D1
387	Tạ Nữ Hoài	Trinh	x	31/01/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
388	Huỳnh Thị Mai	Trinh	x	25/03/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
389	Quách Thị Mỹ	Trinh	x	12/02/2002	Khmer	Trà Vinh	D1
390	Hoàng Thị Thu	Vân	x	16/05/2002	Nùng	Đắk Lắk	D1
391	H' Sa Ri	Ya	x	06/03/2002	Mnông	Đắk Nông	D1
392	Qua Ước Thảo	Yên	x	27/09/2002	Chăm	Bình Thuận	D1
393	Miêu Thị Kim	Yên	x	01/06/2002	Chăm	Ninh Thuận	D1

Tổng kết danh sách có 393 học sinh.

TP. Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 10 năm 2020

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Lê Hữu Thúc
Hiệu trưởng

Khối trúng tuyển	SL
A	61
A1	8
B	168
C	60
D1	96
Tổng	393